

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hưng Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phương Nam

Ông Mai Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Long - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Nhật Phương T1, sinh năm: 1985. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung T2, sinh năm: 1985. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 6, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-01-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Nhật Phương T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Trung T2 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 01-8-2008 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình chung sống, vợ chồng bà sống hạnh phúc đến năm

2009, khi bà sinh cháu Nguyễn Trần Bảo T3 được mấy tháng thì bà phát hiện ông T2 có tính lăng nhăng, quan hệ với người phụ nữ khác. Ông T2 có thừa nhận, xin lỗi và bà đã tha thứ bỏ qua cho ông. Tuy nhiên, sau khi sinh cháu Nguyễn Trần Bảo N được mấy tháng, bà lại phát hiện ông T2 vẫn còn liên lạc qua lại với người phụ nữ kia. Bà đã nhiều lần khuyên bảo ông nhưng sau nhiều lần xin lỗi và hứa hẹn ông T2 vẫn không thay đổi, sống không có trách nhiệm với vợ con, làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11-2017 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T2 và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con chung: Vợ chồng bà có hai con chung tên Nguyễn Trần Bảo T3, sinh ngày: 12-10-2008 và Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày: 10-6-2013. Bà có nguyện vọng được nuôi hai con và không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trung T2: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án luôn tuân thủ theo pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng là nguyên đơn luôn chấp hành đúng pháp luật, riêng bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung do bà T1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cho bà Trần Nhật Phương T1 được ly hôn với ông Nguyễn Trung T2. Giao con chung tên Nguyễn Trần Bảo T3, sinh ngày: 12-10-2008 và Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày: 10-6-2013 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T2 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T1 không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Trung T2 đã được Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T1 và ông T2 tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, bà T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với lý do ông T2 có quan hệ với người phụ nữ khác, sống không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11-2017 cho đến nay nên bà đã không còn tình cảm với ông nữa. Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình”. Mặc dù ông T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa làm việc và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T1. Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện vợ chồng trở về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông T2 vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện ông T2 không có thiện chí hòa giải, không đưa ra phương án để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, đoàn tụ gia đình. Chứng tỏ ông không thiết tha gì trong việc bảo vệ hạnh phúc gia đình của riêng mình, có thái độ bỏ mặc cuộc hôn nhân này. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T1 xin được ly hôn với ông T2 là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T1 có nguyện vọng xin được nuôi hai con và không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu N còn nhỏ (mới 05 tuổi), cháu T3 có nguyện vọng được ở với mẹ, hiện nay do bà T1 đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Công việc của bà là thợ uốn tóc, thu nhập một tháng hơn 3.000.000 đồng và bà có trình bày gia đình có phụ giúp thêm cho bà nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, bà T1 đủ điều kiện khả năng nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển của các con nên quyết định giao cháu Nguyễn Trần Bảo T3, sinh ngày: 12-10-2008 và Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày: 10-6-2013 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà T1 xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà, ông T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Trần Nhật Phương T1.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Nhật Phương T1 được ly hôn với ông Nguyễn Trung T2.

3. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trần Bảo T3, sinh ngày: 12-10-2008 và Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày: 10-6-2013 cho bà Trần Nhật Phương T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trung T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Trần Nhật Phương T1 không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Bà Trần Nhật Phương T1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015104 ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà T1 đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND phường P, TP. P;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hưng Dũng